TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2024/DS-PT
Ngày: 28/5/2024
V/v: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, văn bản công chứng vô hiệu, chia tài sản chung của hộ gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: ông Phạm Tồn.

- *Các thẩm phán:* ông Trần Đức Kiên và ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 366/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, văn bản công chứng vô hiệu, chia tài sản chung của hộ gia đình"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 899/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phan Thị Kiều N; địa chỉ: số B T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Luật sư Võ Sỹ C - Văn phòng L; địa chỉ: số A đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (giấy ủy quyền ngày 06/6/2022). Có mặt.

- Bị đơn: bà Trần Thị T; địa chỉ: số C L, khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: số C L, khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị *(giấy ủy quyền ngày 27/9/2023)*. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T1 - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: số D T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: số C L, khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đăng H1; địa chỉ: số C L, khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị Kiều N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022, đơn bổ sung khởi kiện ngày 03/10/2022, tại phiên hòa giải ngày 03/01/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phan Thị Kiều N *trình bày:*

Chị Phan Thị Kiều N là con của ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị T. Năm 1980 bố chị N (ông Phan Văn Đ) chết. Sau đó mẹ chị N, bà Trần Thị T, kết hôn với ông Nguyễn Đăng B, sinh thêm hai con Nguyễn Thị H, Nguyễn Đăng H1 cùng sống chung tại phường C, thị xã (nay là thành phố) Đ, tỉnh Quảng Trị. Năm 1991, bà T đứng tên chủ hộ nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích 200m^2 của ông Nguyễn Đăng D theo Quyết định số 66/QĐ-UB ngày 05/01/1991 của UBND thị xã Đ, lúc này, hộ gia đình chị N có 05 người gồm: Bà Trần Thị T (chủ hộ), ông Nguyễn Đăng B, chị Phan Thị Kiều N, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đăng H1.

Năm 1995, bố dượng ông Nguyễn Đăng B chết, đến năm 2002 gia đình có nộp đơn xin đăng ký QSD đất và được UBND thị xã Đ kiểm tra đo đạc thực tế, sang tên, bổ sung diện tích và ban hành Quyết định số 360/QĐ-UB ngày 05/3/2002 cấp GCNQSD đất số U 551324 cho hộ bà Trần Thị T, diện tích 410m^2 thuộc thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04, tại phường C, thị xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Tại thời điểm này thành viên hộ gia đình gồm có 04 người gồm: Bà Trần Thị T (chủ hộ), chị Phan Thị Kiều N, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đăng H1.

Ngày 30/8/2013, bà Trần Thị T cùng với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đăng H1 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đăng B và tặng cho bà Trần Thị Tĩnh t Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị do Công chứng viên Lê Hoài N1 ký, đóng dấu vào sổ số 1619, Quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2013.

Ngày 13/9/2013, sau khi nhà nước thu hồi 19m^2 để làm đường, bà Trần Thị T đã tách thửa đất trên thành 02 thửa và đổi từ "hộ bà Trần Thị T" thành cá nhân bà Trần Thị T và được UBND thành phố Đ cấp 02 GCNQSD đất số BP 386478 (diện tích 224m^2) và GCNQSD đất số BP 386479 (diện tích 167m^2).

Ngày 13/9/2013, bà Trần Thị T đã lập hợp đồng tặng cho QSD đất cho chị Nguyễn Thị H với diện tích 167m^2 thửa đất tại khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Hợp đồng được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị do Công chứng viên Lê Hoài N1 ký, đóng dấu vào sổ số 1698, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2013 và được UBND thành phố Đ cấp GCNQSD đất số BP 386050 ngày 29/10/2013 cho Nguyễn Thị H.

Việc bà Trần Thị T cùng các em Nguyễn Thị H, Nguyễn Đăng H1 đã tự ý phân chia QSD đất mà chị N là thành viên hộ gia đình, nhưng không được tham gia thảo luận, bàn bạc và quyết định là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phan Thị Kiều N. Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị và UBND thành phố Đ xác nhận vào các hợp đồng tặng cho và ban hành quyết định cấp GCNQSD đất cho bà Trần Thị T và Nguyễn Thị H là trái pháp luật. Vì vậy, chị Phan Thị Kiều N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị, vào sổ số 1619, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2013 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 13/9/2013 vô hiệu.

+ Yêu cầu hủy 03 GCNQSD đất số BP 386478, diện tích 224m^2 và GCNQSD đất số BP 386479, diện tích 167m^2 do UBND thành phố Đ cấp ngày 13/9/2013 cho bà Trần Thị T; Giấy CNQSD đất số BP 386050, diện tích 167m^2 do UBND thành phố Đ cấp ngày 28/10/2013 cho bà Nguyễn Thị H.

+ Phân chia tài sản chung của hộ gia đình, trong đó xác định quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Kiều N được hưởng là 80m^2, tính ra giá trị là 227.100.000 đồng.

2. Tại biên bản hòa giải ngày 03/01/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị T *trình bày:*

Thửa đất do vợ chồng bà T tạo dựng từ trước, đến năm 2002 mới được cấp GCNQSD đất cấp cho hộ gia đình bà T, sau khi chồng bà T là ông Nguyễn Đăng B chết, gia đình đã thực hiện các thủ tục cần thiết thỏa thuận phân chia di sản, tách thửa và tặng cho con Nguyễn Thị H, việc này con gái của bà T là chị Phan Thị Kiều N đã được biết và không có ý kiến gì từ trước cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp.

Hiện nay, GCNQSD đất đã được cấp cho bà T và chị Nguyễn Thị H; gia đình đã sử dụng ổn định liên tục từ năm 2013 cho đến khi xảy ra tranh chấp. Do đó, bà T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thành phố Đ*, tỉnh Quảng Trị:*

Tại Công văn số 2257/UBND-PTNMT ngày 07/11/2022, UBND thành phố Đ *có ý kiến như sau:*

Gia đình bà Trần Thị T có thửa đất tại khu phố F, phường C, kê khai ở Bản đồ địa chính năm 2001 của Phường 3 tại thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04 với diện tích 410m^2. Năm 2001, hộ bà Trần Thị T lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND phường C1 xác nhận với nội dung: "Đất do nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Đăng D theo Quyết định số 66/QĐ-UB của UBND thị xã Đ, ngày 05/3/2002, UBND thị xã (nay là thành phố) Đ đã cấp Giấy CNQSD đất số U551324 tại thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04, Phường C với diện tích 410m^2 cho hộ bà Trần Thị T".

Năm 2013, bà Trần Thị T đề nghị cấp đổi lại giấy CNQSD đất với lý do hiện trạng thửa đất có thay đổi (bị thu hồi một phần diện tích đất để mở đường Lương Ngọc Q), xin tách thửa đất thành 02 thửa (thửa 229 và thửa 537), đồng thời bổ sung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Phòng C2 tỉnh chứng thực ngày 30/8/2013. Trên cơ sở đó, ngày 13/9/2013, UBND thành phố Đ cấp đổi lại thành hai giấy CNQSD đất số BP 386479 tại thửa đất số 537, tờ bản đồ số 15 (cũ 04) với diện tích 167m^2 và Giấy CNQSD đất số BP 386478 tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 15 (cũ 04) với diện tích 224m^2 cho bà Trần Thị T.

Sau đó, bà Trần Thị T đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 537m^2, tờ bản đồ số 15 (cũ 04) với diện tích 167m^2 cho bà Nguyễn Thị H được Phòng công chứng số 01 tỉnh chứng thực ngày 13/9/2013. Trên cơ sở đó, ngày 28/10/2013 UBND thành phố Đ cấp đổi lại Giấy CNQSD đất số BP 386050 cho bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 537, tờ bản đồ số 15 (cũ 04).

Việc cấp, cấp đổi các GCNQSD đất nói trên là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật

+ *Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị:* Quá trình giải quyết vụ án không có trình bày ý kiến.

+ *Chị* Nguyễn Thị H *và anh* Nguyễn Đăng H1*:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 cùng thống nhất với kiến của mẹ là bà Trần Thị T, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Kiều N.

Ngày 03/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, tiến hành kiểm tra, đo vẽ diện tích đất đang tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn. Kết quả thể hiện như sau:

- Đối với quyền sử dụng đất: Trên thửa đất số 229, tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 537, tờ bản đồ số 15 có vị trí: Phía Nam giáp đường L; phía Bắc giáp đất UBND phường 3 quản lý; phía Đông giáp đất ông B và bà T2; Phía Tây giáp đất ông P, bà H2.

- Về tài sản trên đất: Có 02 ngôi nhà; ngôi nhà thứ nhất và ngôi nhà thứ 2 thuộc nhóm nhà loại C1. Dạng nhà 01 tầng, móng đá học kết hợp bê tông cốt

thép, khung cột dầm, sàn bê tông cốt thép (BTCT). Tường xây gạch hoặc B1, tường tô trát hai mặt, lamri gỗ, gạch men phía ngoài, mặt trước sơn vôi hoặc quét màu. Mái bê tông cốt thép (BTCT) có lớp chống nóng. Trần trát vữa xi măng quét sơn, trang trí hoa văn. Nền lát gạch men thông dụng, cửa gỗ nhóm I, II có khung ngoại. Hệ thống điện nước chìm, thiết bị điện tốt, chủ động cấp nước, hệ thống bếp, vệ sinh khép kín.

** Tại biên bản định giá tài sản ngày 03/3/2023, Hội đồng đã xác định giá trị tài sản như sau:*

- Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 229, tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 537, tờ bản đồ số 15 địa chỉ số C, C L, khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thuộc đất ở đô thị loại 4a có trị giá:

Vị trí 1: 3.663.000 đồng/m^2; Vị trí 2: 1.465.000 đồng/m^2; vị trí 3: 806.000 đồng/m^2; Vị trí 4: 549.000 đồng/m^2.

- Tài sản trên đất: gồm có 02 ngôi nhà: Ngôi nhà thứ nhất và ngôi nhà thứ 2 đều thuộc nhóm nhà loại C1 có đơn giá: 6.200.480 đồng/m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 147, Điều 157, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, 651 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị kiều N2 về:

+ Tuyên bố Văn bản phân chia thừa kế của ông Nguyễn Đăng B được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 30/8/2013 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/9/2013 giữa bà Trần Thị T3 và bà Nguyễn Thị H được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng thực ngày 13/9/2013 là vô hiệu.

+ Hủy 03 GCNQSD đất số BP 386478, diện tích 224m^2 và GCNQSD đất số BP 386479, diện tích 167m^2 do UBND thành phố Đ cấp ngày 13/9/2013 cho bà Trần Thị T; Giấy CNQSD đất số BP 386050, diện tích 167m^2 do UBND thành phố Đ cấp ngày 28/10/2013 cho bà Nguyễn Thị H và chia tài sản chung của hộ gia đình.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2023, nguyên đơn là bà Phan Thị Kiều N kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm hoặc xác định quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Kiều N được hưởng là 80m^2 giá trị 227.100.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Kiều N, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong hồ sơ không có bất cứ tài liệu nào thể hiện nơi sinh sống của ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị T cũng như việc ông Đ, bà T có đăng ký kết hôn hay không; ông B chết, ngoài bà T, chị N, chị H, anh H1 còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bà Phan Thị Kiều N về hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ và chia tài sản thì thấy:

Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1991, ông Nguyễn Đăng B và bà Trần Thị T nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đăng D diện tích 200m^2 theo Quyết định số 66/QĐ-UB ngày 05/01/1991 của UBND thị xã Đ. Ngày 05/3/2002 UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 360/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất và cấp GCNQSD đất số U551324 với diện tích 410m^2 (trong đó 250,0m^2 đất ở và 160,0m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04, tại phường C, thị xã Đ, tỉnh Quảng Trị cho hộ bà Trần Thị T.

[2.1] Vậy, từ diện tích nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đăng D diện tích 200m^2 nay được cấp 410m^2 (trong đó 250,0m^2 đất ở và 160,0m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 872, tờ bản đồ số 04, tại phường C, thị xã Đ, tỉnh Quảng Trị cho hộ bà Trần Thị T. Như vậy, diện tích đất biến động tăng 210m^2 có nguồn từ đâu; thời điểm ông Phan Văn Đ, bà Trần Thị T chung sống có tài sản chung hay không; vợ chồng ông Phan Văn Đ, bà Trần Thị T có được cấp đất theo NĐ 299/CP và NĐ 64/CP không. Các vấn đề trên chưa được làm rõ trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2.2] Tại thời điểm UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 360/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất và cấp GCNQSD đất số U551324 diện tích 410m^2 cho **hộ gia đình bà** T thì thành viên hộ gia đình gồm có 04 người gồm: bà Trần Thị T **(chủ hộ)**, chị Phan Thị Kiều N, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đăng H1. Vậy, cần phải có ý kiến của cơ quan nhà nước thẩm quyền giải thích rõ việc cấp giấy chứng nhận đứng tên bà T với tư cách là chủ hộ gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào 02 lần xác nhận của UBND phường C1 vào ngày 08/6/1996 và ngày 01/8/2001 để xác định toàn bộ diện tích

đất đang tranh chấp là do cá nhân bà T và ông B nhận chuyển nhượng từ ông D 200m^2 nhưng thực tế được cấp 410m^2 là mâu thuẫn.

Năm 2013, bà Trần Thị T đề nghị cấp đổi lại giấy CNQSD đất với lý do hiện trạng thửa đất có thay đổi (bị thu hồi một phần diện tích đất 19m^2 để mở đường Lương Ngọc Q), xin tách thành 02 thửa (thửa 229 và thửa 537) và đổi sổ từ "Hộ bà Trần Thị T" thành cá nhân bà Trần Thị T; được UBND thành phố Đ cấp 02 GCNQSD đất số BP 386478 (diện tích 224m^2) và GCNQSD đất số BP 386479 (diện tích 167m^2). Sau đó bà T đã lập hợp đồng tặng cho QSD đất cho chị Nguyễn Thị H. Hợp đồng đã được Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Trị chứng nhận; UBND thành phố Đ cấp GCNQSD đất số BP 386050 ngày 29/10/2013 cho Nguyễn Thị H.

[2.3] Việc bà Trần Thị T, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đăng H1 lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đăng B và tặng cho mẹ là bà Trần Thị T ngày 30/8/2013; hợp đồng tặng cho tài sản ngày 13/9/2013 và Quyết định cấp GCNQSD đất cho bà Trần Thị T và Nguyễn Thị H cần phải được xem xét đánh giá lại một cách toàn diện, khách quan để không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Khi thụ lý xét xử lại cần thu thập đầy đủ tài liệu để xác định hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật và tính hợp pháp thỏa thuận phân chia tài sản cũng như văn bản tặng cho quyền sử dụng đất.

[2.4] Ngoài ra, tòa cấp sơ thẩm nhận định thửa đất đang tranh chấp là của ông B, bà T không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của chị N, nhưng Tòa án sơ thẩm căn cứ Án lệ số 03/2016/AL, xác định ý chí của chị N là đã cho chị H diện tích được tặng cho là có mâu thuẫn. Việc xác định ý chí của chị N trường hợp này là không đúng với tinh thần của án lệ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy những vi phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không thể khắc phục được nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí DSPT: Do được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn bà Phan Thị Kiều N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Kiều N.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Kiều N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000003 ngày16/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn